

QUAN HỆ ASEAN - TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG TỚI QUAN HỆ VIỆT - TRUNG

ThS. CHU MẠNH HÙNG *

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8/8/1967 sau khi bộ trưởng ngoại giao các nước Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore và Thái Lan kí bản tuyên bố ASEAN (Tuyên bố Băng Cốc). Hiện nay, ASEAN gồm 10 thành viên là các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Trải qua 40 năm phát triển, ASEAN đã thực hiện sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác nhau như an ninh - chính trị, kinh tế - thương mại, văn hoá - xã hội và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những kết quả mà ASEAN đạt được không chỉ đơn thuần là hợp tác trong nội bộ ASEAN mà đó còn là những thành quả của quá trình hợp tác giữa ASEAN với bên ngoài theo các cơ chế khác nhau, đặc biệt là hợp tác giữa ASEAN với Trung Quốc.

Trong những năm đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, việc giải quyết vấn đề cao su nhân tạo với Nhật Bản và những ưu đãi thuế quan của EC đối với các sản phẩm của ASEAN đã làm cho các nước ASEAN thấy rõ tầm quan trọng của hành động tập thể trong các vấn đề quốc tế. Vì vậy, tại Hội nghị cấp cao lần thứ nhất ở Bali (Indonesia) năm 1976, ASEAN đã khẳng định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác giữa ASEAN với các nước thứ ba. Quan hệ đối thoại của ASEAN với các nước thứ ba đã được thiết lập ở các thời điểm khác

nhau. Hội nghị ngoại trưởng ASEAN lần thứ 29 (ASEAN ministerial meeting - AMM 29) đã dành cho Trung Quốc quy chế đối thoại đầy đủ của ASEAN và Trung Quốc đã tham dự Hội nghị AMM 29 và Hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng - Post Ministerial Conferences (PMC 29) lần đầu tiên với tư cách này. Tháng 12/1997, tại kì họp thượng đỉnh ASEAN + 1 tại Kuala Lumpur hai bên đã khẳng định phát triển quan hệ hợp tác ASEAN - Trung Quốc hướng tới thế kỉ XXI.

1. Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997-1998, đặc biệt là những năm đầu thế kỉ XXI, quan hệ ASEAN - Trung Quốc có những bước phát triển về chất, làm thay đổi đáng kể môi trường đầu tư và quan hệ quốc tế trong khu vực. Bước vào thập niên đầu thế kỉ XXI, với chính sách "Hoà thuận với láng giềng, giàu có với láng giềng, an ninh với láng giềng", Trung Quốc đã và đang tỏ ra là đối tác đáng tin cậy và hiệu quả của ASEAN. Điều này cho phép các bên liên quan chủ động hơn trong việc mở rộng hợp tác, làm dịu đi những tác động tiêu cực từ mọi phía.

a. Về hợp tác an ninh - chính trị

Đứng trước những thách thức an ninh

* Giảng viên Khoa luật quốc tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

mới của thời kì hậu chiến tranh lạnh, các nước ASEAN đã lập ra Diễn đàn khu vực ASEAN (ASEAN regional forum - ARF) tháng 7/1994. Đây là cơ chế hợp tác an ninh đa phương đầu tiên do ASEAN thành lập, có sự tham gia của tất cả các nước ASEAN và hầu hết các cường quốc trên thế giới trong đó có Trung Quốc. Trung Quốc tham gia ARF với hi vọng làm dịu tình hình, xoá dần đi mỗi nghi kị do lịch sử để lại của các nước trong khu vực đối với họ. Đồng thời thông qua diễn đàn này, Trung Quốc có điều kiện để thiết lập hay củng cố các cơ chế hợp tác song phương với từng nước (Trung Quốc trước đó hầu như chưa có cơ chế hợp tác an ninh song phương với nước nào trong khu vực),⁽¹⁾ từng bước khẳng định địa vị cường quốc của mình trên trường quốc tế.

Qua thực tiễn hoạt động, ARF đã thu được những thành quả tích cực, góp phần thúc đẩy quan hệ đối thoại, hợp tác và tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong đó có quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Thông qua diễn đàn này, các nước ASEAN cùng với Trung Quốc và các nước Đông Á khác đã phối hợp đưa ra nhiều sáng kiến về các vấn đề nhạy cảm như soạn thảo và kí "Tuyên bố về quy tắc ứng xử biển Đông", bản luận về giải trừ vũ khí hạt nhân, chống tội phạm và chống khủng bố. Với vai trò là động lực chính của ARF, ASEAN đã và đang đóng vai trò trong việc tập hợp, thu hút các ý kiến, quan điểm khác nhau, đưa chúng ra bàn luận và đề xuất các sáng kiến hợp tác an ninh nhằm dàn xếp các bất đồng, xung đột vì mục tiêu hoà bình và ổn định ở châu Á - Thái Bình Dương.

Quan hệ ASEAN - Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh - chính trị chủ yếu thông qua ARF và cơ chế ASEAN + 1 (Trung Quốc), ASEAN + 3 (Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản), ngoài ra quan hệ an ninh chính trị còn được thể hiện qua cơ chế của Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Treaty of amity and cooperation - TAC). TAC không chỉ nêu ra những nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho quan hệ giữa các nước thành viên⁽²⁾ mà còn vạch ra những điều khoản khuyến khích các nước ngoài ASEAN tham gia. Chính nhờ có tính pháp lí cao, lại khẳng định được những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế nên TAC đã thu hút được sự hưởng ứng của Trung Quốc bằng việc Trung Quốc tham gia TAC. Đây là cam kết có ý nghĩa về chính trị và pháp lí cho việc củng cố hoà bình và thúc đẩy hợp tác song phương cũng như đa phương.

b. Về hợp tác an ninh kinh tế

Sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á năm 1997 - 1998, vấn đề an ninh kinh tế thu hút sự quan tâm của tất cả các nước và buộc ASEAN phải tìm kiếm các hình thức hợp tác mới. Chính vì vậy, hợp tác an ninh kinh tế giữa ASEAN với các nước Đông Bắc Á đã được đề xuất. Tháng 5/2000, tại Hội nghị bộ trưởng tài chính ASEAN + 3 đã đạt được thoả thuận "Sáng kiến Chiềng Mai" theo đó các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ thực hiện hoán đổi tiền tệ song phương. Những năm gần đây, việc đàm phán để hoán đổi tiền tệ song phương diễn ra khá suôn sẻ, tháng 8/2003, bộ trưởng tài chính các nước ASEAN nhóm họp tại Manila (Philippine)

đã thông qua việc mở cửa hơn nữa thị trường vốn, đồng thời cắt bỏ những ràng buộc đối với việc luân chuyển vốn. Như vậy, hợp tác trong lĩnh vực an ninh kinh tế, đặc biệt về tài chính ngân hàng giữa ASEAN với Trung Quốc bước đầu có những dịch chuyển đáng ghi nhận.

c. Về hợp tác trong lĩnh vực an ninh xã hội

Hợp tác giữa ASEAN với Trung Quốc trong lĩnh vực an ninh xã hội là chưa nhiều, chỉ mới bắt đầu trong những năm gần đây. Sau sự kiện ngày 11/9/2001, các cuộc họp cấp cao giữa ASEAN với Trung Quốc đều đề cập vấn đề này. Tại các hội nghị thượng đỉnh diễn ra tại Brunei năm 2001, tại Campuchia năm 2002, đã liên tiếp đưa ra các tuyên bố chống khủng bố. Việc nỗ lực chung chống khủng bố cũng thúc đẩy các nước hợp tác với nhau trên các mặt an ninh xã hội khác, ví dụ: Tháng 11/2002 ASEAN và Trung Quốc đã thông qua Tuyên bố chung hợp tác về lĩnh vực an ninh phi truyền thống ASEAN - Trung Quốc. Văn kiện này đã khởi động sự hợp tác giữa các nước liên quan trên các mặt như chống buôn lậu ma túy, nạn di dân bất hợp pháp, buôn lậu vũ khí, tội phạm quốc tế...

d. Về hợp tác an ninh môi trường

Vấn đề môi trường ngày càng trở nên cấp bách đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia và đặt ra yêu cầu các quốc gia phải hợp tác. Trung Quốc liên tục tổ chức các hội nghị về môi trường, lập mạng lưới thông tin chung để kiểm tra môi trường khu vực, giám sát về mưa axit, hệ thống dự báo bão cát. Ngoài cơ chế hợp tác ASEAN - Trung Quốc còn xuất hiện cơ chế hợp tác giữa các nước ASEAN với các đối tác bên

ngoài như hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông, hợp tác thăm dò khai thác dầu khí ở biên Đông giữa Philippine, Việt Nam và Trung Quốc⁽³⁾... Tuy các hợp tác này chủ yếu đề cập khía cạnh kinh tế nhưng chúng mang tính chính trị an ninh sâu sắc.

đ. Về hợp tác thương mại, đầu tư

Những chuyển dịch mang tính đột phá về cơ chế cũng như sự gia tăng hội nhập giữa ASEAN và Trung Quốc đã thúc đẩy nhanh chóng các quan hệ song phương nhất là thương mại. Năm 1978, kim ngạch xuất nhập khẩu ASEAN - Trung Quốc mới chỉ đạt 0,86 tỉ USD, năm 1991 đạt 8,3 tỉ USD, năm 2004 đạt trên 100 tỉ USD. Từ vị trí thứ 6, Trung Quốc trở thành bạn hàng lớn thứ 4 của ASEAN (sau Mỹ, Nhật Bản và EU), chiếm khoảng 10% kim ngạch xuất nhập khẩu của ASEAN. Về hợp tác đầu tư, tuy diễn ra cuộc cạnh tranh mạnh mẽ về nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng vốn đầu tư hai chiều giữa ASEAN và Trung Quốc không ngừng tăng lên. Vốn của 5 nước thành viên ban đầu đưa vào Trung Quốc tăng từ 2,4% năm 1992 lên 9,2% năm 1998 và giảm xuống 7% những năm đầu thế kỉ XXI. Về số lượng, đầu thế kỉ XXI vốn cam kết của ASEAN vào Trung Quốc với con số là 53,468 tỉ USD. Đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN có chiều hướng tăng nhanh trong những năm gần đây, đặc biệt là đầu tư đến 4 nước thành viên ASEAN mới trong đó có Việt Nam.⁽⁴⁾ Hiện nay, đầu tư của Trung Quốc (kể cả Hồng Kông) vào Việt Nam đứng thứ 12 trong số 66 nước, vùng lãnh thổ gồm gần 700 dự án với tổng số vốn trên 4 tỉ đô la.

e. Về sự hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (China ASEAN free trade area - CAFTA)

Trước khi trở thành đối tác đầy đủ, Trung Quốc và ASEAN đã thành lập Ủy ban liên hợp về kinh tế thương mại và khoa học kỹ thuật năm 1994. Năm 1997 đổi thành Ủy ban hợp tác liên hợp. Năm 2001 lập nên Hội đồng buôn bán ASEAN - Trung Quốc với chức năng thúc đẩy thương mại, đầu tư giữa hai bên. Tại Hội nghị cấp cao không chính thức tổ chức tại Kuala Lumpur tháng 12/1997, Trung Quốc và ASEAN thông qua văn kiện "Quan hệ láng giềng, thân thiện, hướng tới thế kỉ XXI". Tại Hội nghị cấp cao ASEAN nhóm họp tại Singapore tháng 11/2000, Trung Quốc chủ động đề xuất thành lập CAFTA. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 7 họp tại Brunei đã đi đến quyết định, mở đường cho việc thông qua "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc", trong đó có việc thành lập CAFTA vào năm 2010. Theo cam kết, từ 1/1/2005 khu vực mậu dịch tự do này sẽ chính thức khởi động. Trên thực tế, Trung Quốc đã mở cửa thị trường nông sản từ 1/1/2004 cho các nước ASEAN theo Chương trình thu hoạch sớm.⁽⁵⁾

Ngoài việc kí các thoả thuận cho việc chính thức khởi động CAFTA, Hội nghị cấp cao lần thứ 7 ASEAN - Trung Quốc đã đi đến thoả thuận: Kể từ 2004, Trung Quốc hàng năm sẽ tổ chức Hội chợ thương mại ASEAN - Trung Quốc tại thành phố Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc). Tháng 10/2004, Ủy ban đàm phán mậu dịch ASEAN - Trung Quốc nhóm họp tại Bắc Kinh đã nhất trí

thông qua Hiệp định về hàng hoá của CAFTA. Theo Hiệp định này, 6 thành viên ban đầu và Trung Quốc sẽ có Hiệp định tự do thương mại (Free trade agreement - FTA)⁽⁶⁾ vào năm 2010. Ngoài ra, Trung Quốc và ASEAN còn thông qua "Bị vong lục về hợp tác giao thông" bao gồm đường sắt và đường bộ để thuận tiện cho hàng hoá lưu thông và du khách đi lại. Các dự án khai thác sông Mê Kông - Lan Thương, hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ... đã và đang được cả ASEAN và Trung Quốc hưởng ứng một cách tích cực.⁽⁷⁾

Quá trình hình thành ACFTA tuy mới chỉ thực hiện những bước đi đầu tiên trong thời gian chưa dài nhưng đã cho thấy những nỗ lực tích cực từ cả hai phía hướng mạnh tới các mục tiêu được xác định.⁽⁸⁾ Với lộ trình khá rõ ràng và hàng loạt những thoả thuận đạt được nhằm thực hiện tự do hoá thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư, đặc biệt là các bên đồng ý thực hiện "Chương trình thu hoạch sớm" đã bước đầu tạo ra môi trường thuận lợi thúc đẩy sự hợp tác, liên kết một cách năng động giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Việc dỡ bỏ các rào cản thương mại theo các thoả thuận đạt được giữa hai bên chắc chắn sẽ góp phần quan trọng làm giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh tế đồng thời tạo ra cơ chế hỗ trợ sự ổn định về kinh tế. Điều đó không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi bên mà còn tăng cường tiếng nói của ASEAN và Trung Quốc trong các vấn đề thương mại quốc tế cũng như trong các lĩnh vực khác của quan hệ quốc tế.

Có thể nói rằng cùng với sự gia tăng của toàn cầu hoá và sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ ASEAN - Trung Quốc trên các lĩnh vực, đặc biệt là sự hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA) đã và đang tác động lớn đến xu hướng phát triển quan hệ Việt - Trung.

2. Sau năm 1990, trong điều kiện và hoàn cảnh mới cùng với nhu cầu phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, cả Việt Nam và Trung quốc thấy cần thiết phải nhanh chóng bình thường hoá quan hệ hữu nghị láng giềng. Bước ngoặt cho quá trình này là chuyến thăm chính thức Trung Quốc của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam tháng 11/1991, trong đó hai nước đã kí hàng loạt các thoả thuận và chương trình phục hồi kinh tế thương mại. Cụ thể hai nước đã kí Hiệp định tạm thời giải quyết những công việc biên giới Việt - Trung trong đó có quy định về mậu dịch tiểu ngạch qua biên giới, về mở các cửa khẩu, quy định cấp visa và giấy thông hành. Năm 1992, hai nước kí 4 hiệp định hợp tác kinh tế, khoa học và kĩ thuật, đồng thời tái khởi động việc cung cấp tín dụng ưu đãi và viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Năm 1994, hai nước kí Hiệp định thành lập Ủy ban hợp tác kinh tế - thương mại... Những chuyển biến này diễn ra đồng thời với sự gia tăng quan hệ giữa ASEAN với Trung Quốc. Quan hệ chính trị được cải thiện, thương mại đối lưu hai chiều Việt Nam - Trung quốc tăng rất nhanh (từ 32 triệu USD năm 1991 lên 1150 triệu USD năm 1996).

Kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (1995) và Trung Quốc trở thành

nước đối thoại đầy đủ của tổ chức này (1996), quan hệ giữa hai nước phát triển thêm một bước mới. Trung Quốc trở nên chủ động và linh hoạt trong việc mở rộng hợp tác với ASEAN trong đó có Việt Nam. Về phía Việt Nam, với tư cách là thành viên của ASEAN, láng giềng gần gũi và là cửa ngõ trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc, lại đang trên đà tăng trưởng kinh tế nhanh nên có nhu cầu nhiều hơn trong phát triển quan hệ với quốc gia khổng lồ này.⁽⁹⁾ Trước những dịch chuyển lớn trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc từ cuối những năm 1990, đặc biệt từ đầu thế kỉ XXI (như đề xuất thoả thuận thành lập cơ chế ASEAN + 1, ASEAN + 3, CAFTA, kí quy tắc ứng xử biển Đông, TAC...), quan hệ Việt Nam - Trung Quốc được nâng lên tầm cao mới.

a. Về mặt chính trị - ngoại giao

Sau chuyến thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc của Tổng bí thư ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, hai bên đã đi đến nhất trí lấy phương châm 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" làm cơ sở chỉ đạo cho quan hệ Việt - Trung trong giai đoạn mới. Tháng 12/1999 hai nước kí Hiệp định biên giới trên đất liền. Tháng 12/2000 Việt Nam và Trung Quốc ra Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện, cụ thể hoá phương châm 16 chữ vàng thành những phương hướng cụ thể. Đồng thời trong năm 2000, hai bên đã kí 2 hiệp định mang tính lịch sử là Hiệp định phân định lãnh hải, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc Bộ. Tháng

12/2001, Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành lễ cắm cột mốc biên giới đầu tiên trên đất liền tại Móng Cái và Đông Hưng.⁽¹⁰⁾ Ngoài các cuộc viếng thăm cấp cao và kí kết các văn kiện pháp lí quốc tế, hai nước thường xuyên trao đổi các đoàn của các ngành và các địa phương đặc biệt là giữa các địa phương ở khu vực biên giới.

b. Về hợp tác kinh tế - thương mại

Đầu những năm 1990, Việt Nam và Trung Quốc đã kí một loạt các hiệp định về hợp tác kinh tế - thương mại. Đây là cơ sở pháp lí để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt - Trung phát triển mạnh mẽ. Những năm 1990 thương mại hai chiều Việt Nam - Trung Quốc đạt mức trên dưới 1 tỉ USD; năm 2005 đạt trên 5,5 tỉ USD và theo kế hoạch đến năm 2010 đạt trên 10 tỉ USD. Việt Nam là nước nhập siêu trong thương mại với Trung Quốc, điều này ngược lại với 5 nước thành viên ban đầu của ASEAN (Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore). Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng nhiên liệu, nông nghiệp sơ chế, nhập khẩu nhiên liệu phục vụ cho sản xuất, các máy móc thiết bị... Hiện nay, không chỉ các sản phẩm công nghiệp nhẹ Trung Quốc chiếm thị phần lớn tại Việt Nam mà còn cả những mặt hàng có hàm lượng kĩ thuật cao như cơ khí, điện tử cũng đang phát triển rất mạnh.

c. Về lĩnh vực đầu tư

Vào giữa những năm 1990, vốn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam chỉ mới đạt khoảng 60 triệu USD thì đến đầu thế kỉ XXI đạt 614 triệu USD với trên 300 dự án. Hiện nay, Trung Quốc đứng thứ 15 trong số 68 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt

Nam. So với các nước khác, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam thường là quy mô nhỏ, tập trung vào các ngành công nghiệp và mới chỉ chiếm tỉ lệ khoảng 1,3% trong tổng số gần 50 tỉ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.⁽¹¹⁾

Biểu hiện cụ thể của hợp tác Việt - Trung là Trung Quốc đã tái giúp đỡ Việt Nam về mặt tài chính và kĩ thuật cho việc sửa chữa và nâng cấp các khu công nghiệp trước đây do Trung Quốc xây dựng. Các doanh nghiệp Trung Quốc tham gia đấu thầu, xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở của Việt Nam. Về phía Việt Nam, các doanh nghiệp cũng bắt đầu xúc tiến việc tìm hiểu và đầu tư tại thị trường Trung Quốc.

Ảnh hưởng của sự hình thành CAFTA và hợp tác tiểu vùng tác động rất lớn đến quan hệ Việt - Trung.

“Chương trình thu hoạch sớm” của Trung Quốc đưa ra cam kết giảm thuế xuống còn 0% bắt đầu thực hiện từ tháng 1/2004 đối với các mặt hàng nông sản và tháng 1/2005 đối với các mặt hàng công nghiệp đã tạo điều kiện cho hàng hoá các nước ASEAN dễ dàng thâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Với vị trí tiếp giáp trực tiếp với Trung Quốc cả trên bộ và trên biển, CAFTA sẽ mang lại cho Việt Nam một thị trường lớn để xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản vốn là những mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam. Từ năm 2002, Việt Nam đã được Trung Quốc cho hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc, theo đó hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam vào Trung Quốc được hưởng thuế ưu đãi với thuế xuất trung bình giảm 25% so với trước đây. Hai nước có thể

khai thác lợi thế địa lí của cảng biển để cung cấp dịch vụ vận tải quá cảnh cho các vùng lãnh thổ nội địa sâu của Trung Quốc và đến các nước ASEAN khác. Mặt khác, hai nước có thể mở, khai thác và phát triển thị trường du lịch, các dịch vụ khác như dịch vụ tài chính - ngân hàng... Tuy nhiên, do khả năng cạnh tranh của Việt Nam còn thấp, mẫu mã và chủng loại hàng hoá còn đơn giản, nghèo nàn nên những mặt hàng cùng chủng loại của Việt Nam sẽ khó cạnh tranh với hàng hoá của Trung Quốc.

Tác động của các chương trình hợp tác tiểu vùng, dự án phát triển các trục hành lang lưu thông hàng hoá như hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, hành lang kinh tế Đông - Tây, hành lang đường xuyên Á, hành lang kinh tế phía Bắc, tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam... Trong số này có ý nghĩa hơn cả đối với quan hệ Việt - Trung là Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ gồm các tỉnh Đông Bắc của Việt Nam, tỉnh Quảng Tây và Đặc khu hành chính Hồng Kông của Trung Quốc. Từ khi có cam kết xây dựng CAFTA, quan hệ thương mại của hai hành lang kinh tế và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ trở nên sôi động. Tại thành phố Lào Cai (Việt Nam) và Hà Khẩu (Trung Quốc) từ năm 2003 luân phiên tổ chức hội chợ thương mại. Với hành lang Côn Minh - Lào Cai, Việt Nam có thể tiếp cận với vùng Tây Nam của Trung Quốc, Bắc nước Lào, đến Bắc Thái Lan và Myanmar. Với hành lang Nam Ninh - Quảng Ninh, Việt Nam có thể tiếp cận các tỉnh

Đông Nam của Trung Quốc... Như vậy, thông qua các hành lang kinh tế, những cơ hội mới đã và đang mở ra cho các doanh nghiệp hai nước thể hiện qua việc gia tăng hợp tác kinh tế giữa hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc với Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc. Sự đổi mới và năng động của hợp tác biên giới Việt - Trung không chỉ dừng lại ở ý nghĩa kinh tế mà nó còn có tác động sâu sắc về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội góp phần củng cố an ninh quốc phòng, tăng cường quan hệ hợp tác Việt - Trung trên mọi phương diện.

3. Nhìn về tổng thể, sự phát triển của quan hệ ASEAN - Trung Quốc có tác động rất lớn đến quan hệ Việt - Trung và tạo ra những cơ hội và thách thức cho Việt Nam trong quá trình hội nhập cùng cộng đồng quốc tế.

Cơ hội của Việt Nam trong hợp tác song phương với Trung Quốc và trong khuôn khổ quan hệ ASEAN - Trung Quốc đó là:

Thứ nhất, việc xác định Đông Nam Á là một trong những hướng ưu tiên trong quan hệ đối ngoại là nhu cầu khách quan của Trung Quốc. Đối với Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam thì chính sách cùng làm giàu và an ninh với láng giềng của Trung Quốc cùng với cơ hội bùng nổ kinh tế tại nước này đã và đang tạo ra những cơ hội mới để mở rộng hợp tác và phát triển kinh tế. Với tư cách là cầu nối trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc, Việt Nam sẽ có cơ hội tăng nhanh thương mại và đầu tư từ các đối tác khác nhau, có điều kiện để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kĩ thuật đặc biệt là ở miền Bắc Việt Nam.

Thứ hai, sự gia tăng của toàn cầu hoá, hợp tác và liên kết khu vực tạo ra cho Việt Nam cơ hội để lựa chọn các hình thức hợp tác và đối tác phù hợp. Mặt khác, việc chuyển từ hợp tác an ninh truyền thống sang hợp tác an ninh phi truyền thống,⁽¹²⁾ sự đa dạng của các hình thức hợp tác song và đa phương giúp Việt Nam tạo thêm thế và lực cho việc củng cố an ninh quốc gia, giải quyết hoà bình các tranh chấp nhất là tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc trên biển Đông. Những thành công của Trung Quốc trong phát triển kinh tế sẽ là nhân tố tích cực tác động tới việc hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận được nhiều hơn với các yếu tố bên ngoài như vốn, thị trường và công nghệ hiện đại.

Thứ ba, sự trở dậy với tư cách là cường quốc, những trải nghiệm dân chủ cùng những thành công về cải cách hành chính và chống tham nhũng của Trung Quốc sẽ là những kinh nghiệm tốt để Việt Nam cải thiện nhanh hơn môi trường đầu tư, củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài và tăng cường hiệu quả của tiến trình hội nhập.

Bên cạnh những cơ hội mới thì những thách thức cũng đặt ra cho Việt Nam.

Một là, Trung Quốc tăng cường các hoạt động trong khu vực biển Đông làm Việt Nam và các nước khác phải điều chỉnh đối sách, lôi kéo nhiều bên cùng vào cuộc thay cho việc giữ nguyên hiện trạng như đã cam kết trước đây. Trên thực tế, việc hợp tác với Trung Quốc dù là ở hình thức thăm dò, nghiên cứu cũng có thể tạo ra tín hiệu chính trị mà Trung Quốc có thể lợi dụng để khẳng

định chủ quyền ở các đảo.

Hai là, việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc và các hình thức hợp tác đặt ra không ít những thách thức trong hợp tác và cạnh tranh. Việt Nam có thể trở thành nơi cung cấp nguyên liệu thô cho Trung Quốc để đổi lấy hàng chế tạo từ nước này. Trong khi Việt Nam xuất siêu sang thị trường Âu, Mỹ thì Việt Nam lại nhập siêu từ Trung Quốc. Không những thua trên sân nhà, Việt Nam có nguy cơ bị hàng Trung Quốc lấn át trên thị trường thế giới. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với nền kinh tế của Việt Nam.

Ba là, tiến trình hội nhập kinh tế ASEAN diễn ra chậm chạp chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Sự trì trệ đã và đang góp phần tạo ra hiện tượng “phá rào” của các hiệp định thương mại tự do song phương của một số nước ASEAN với các đối tác ngoài khối.⁽¹³⁾ Sự bùng nổ, đan xen của các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực (Bilateral free trade agreement-BFTA/Regional free trade agreement - RFTA) có thể làm xáo trộn, thậm chí làm đảo lộn các “luật chơi” mà toàn cầu hoá và dân chủ hoá mang lại. Sự chông chéo, đan xen của các BFTA/RFTA tạo ra nhiều tầng nấc pháp luật, chế độ ưu đãi thuế quan và mậu dịch, gây khó xử cho nhiều nước như Việt Nam trong việc lựa chọn hay theo đuổi các mục tiêu hội nhập và tự do hoá thương mại của mình.

Bốn là, việc ASEAN cùng các bên liên quan tạo dựng các thể chế hợp tác đa phương trong đó có hợp tác Đông Á (ASEAN + 1; ASEAN + 3) đã và đang tạo ra nhiều cơ hội và thách thức đối với ASEAN vì nó làm gia

tăng xung đột lợi ích giữa các nước lớn như Trung Quốc - Nhật Bản, Mĩ - Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, Trung Quốc và Nhật Bản đều muốn tạo ra ảnh hưởng lớn tại khu vực này và ASEAN đang đứng trước thực tế bị chi phối trong hợp tác Đông Á nên cũng không muốn mất đi vai trò chủ đạo, trung tâm tập hợp các nỗ lực hợp tác. Việt Nam là thành viên ASEAN và là cầu nối của ASEAN với các nước Đông Bắc Á, có vị trí chiến lược trong quan hệ của ASEAN với bên ngoài nên sẽ là nước bị tác động nhiều nhất trong quá trình này.

Trải qua 40 năm hình thành và phát triển, ASEAN đã đạt được những thành tựu trên nhiều lĩnh vực góp phần làm thay đổi diện mạo khu vực Đông Nam Á cũng như mỗi quốc gia thành viên. Những thành công ấy là kết quả của nỗ lực hợp tác trong nội bộ ASEAN cũng như giữa ASEAN với các đối tác trong đó có Trung Quốc. Cùng với việc tăng cường quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc thì tiến trình hợp tác ASEAN - Trung Quốc là nhân tố tích cực để thúc đẩy quan hệ Việt - Trung lên tầm cao mới, tạo ra những cơ hội để Việt Nam hội nhập cùng cộng đồng quốc tế nhưng đồng thời cũng đặt ra rất nhiều thách thức. Khó khăn là tất yếu nhưng với vai trò là cầu nối giữa ASEAN và Trung Quốc cùng những thành công của công cuộc đổi mới chúng ta tin tưởng Việt Nam sẽ đóng góp nhiều hơn nữa cho tiến trình hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam Á./

(1).Xem: Trần Khánh, "Những vấn đề chính trị, kinh tế Đông Nam Á", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2006, tr. 79.

(2).Xem: Điều 2, Chương 1, TAC.

(3). Ngày 14/3/2005, công ti dầu lửa quốc gia Philippine, công ti dầu lửa ngoài khơi của Trung quốc và Tổng công ti dầu khí Việt Nam đã kí tại Manila Tuyên bố chung về thăm dò địa chấn tại khu vực rộng 143.000km² bao gồm toàn bộ quần đảo Trường Sa.

(4).Xem: Trần Khánh, "Sự tiến triển trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc", Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (65), 2004, tr. 28-34.

(5). "Chương trình thu hoạch sớm" được thoả thuận tại Bali giữa Trung Quốc và ASEAN tháng 10/2003, theo đó thuế suất sẽ giảm xuống còn 0% trong vòng 3 năm đối với ASEAN 6 và bắt đầu được thực hiện từ 1/1/2004 chủ yếu đối với hàng nông sản và từ 1/1/2005 đối với hàng công nghiệp chế tác.

(6).Xem: Hà Anh Tuấn, "Triển vọng đàm phán FTAs ASEAN - Đối tác", Tài liệu Hội thảo "Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế ASEAN của Việt Nam" (Bộ ngoại giao, 26/7/2007), tr. 2.

(7). Ngày 30/4/2004, Trung Quốc và các nước ASEAN đã kí Hiệp định vận chuyển hàng hoá và khách du lịch trên sông Mê Kông. Ngày 16/12/2004, các Bộ trưởng của 6 nước dọc sông Mê Kông đã tái khẳng định tăng cường hợp tác tiểu vùng, kí 4 văn kiện liên quan đến vận chuyển hàng hoá, du lịch nhằm từng bước tự do hoá khu vực này.

(8).TS. Hồ Châu, TS. Nguyễn Hoàng Giáp, "Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc", Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội 2006, tr. 95.

(9). Vietnamese Foreign Policy in Transition (Ed. By Carlyle A. Thayer, Ramses Amer) - Singapore: ISEAS, 1999, p. 294.

(10). Theo dự kiến, tiến trình cấm mốc biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ hoàn tất vào cuối năm 2008.

(11). Thời báo kinh tế, ngày 21/12/2004, tr.6.

(12).Xem: PGS.TS. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên), "Chênh lệch phát triển và an ninh kinh tế ở ASEAN", Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2006, tr. 31.

(13).Xem: Hà Anh Tuấn, "Triển vọng đàm phán FTAs ASEAN - Đối tác", Tài liệu Hội thảo "Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế ASEAN của Việt Nam" (Bộ ngoại giao, 26/7/2007), tr. 8.